TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LÂM** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thảnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Thái Cao Bình**

2. Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Huệ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Xuân Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn TT, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn TT, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã CTB, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 03/8/2000.

Quá trình chung sống sau khi cưới được 01 năm thì ông L bộc lộ tính gia trưởng, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh đập nên không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau, ông L thường xuyên xúc phạm bà. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, trước đây bà cũng đã nộp đơn xin ly hôn nhưng ông L năn nỉ nên bà đã rút đơn; tuy nhiên cho đến

nay ông L vẫn không thay đổi. Bà không còn tình cảm với ông L, việc kéo dài hôn nhân không đem đến hạnh phúc yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Văn L.

+ Về con chung: Bà và ông Phạm Văn L có 02 con chung là Phạm Xuân L, sinh ngày 31/5/2001 và Phạm Đình Ng, sinh ngày 18/8/2003, các cháu khỏe mạnh bình thường, không có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

+ Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Tr về thời gian chung sống và thời gian kết hôn. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, ông đã rất nhịn vợ, việc đánh đập diễn ra đã lâu, ông đã xin lỗi, gần đây không có sự việc đánh đạp. Do mỗi lần kình cãi bà Tr thường lớn tiếng cãi nên ông nên đôi khi ông có những lời lẽ xúc phạm gây tổn thương cho bà Tr. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, lần cuối mâu thuẫn là do bà Tr muốn vợ chồng về sống tại đất của nhà ngoại cho nên ông không đồng ý. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 âm lịch năm 2022 đến nay. Nay bà Tr yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì mâu thuẫn của vợ chồng chưa trầm trọng, ông còn rất yêu thương vợ con.

+ Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Xuân L, sinh ngày 31/5/2001 và Phạm Đình Ng, sinh ngày 18/8/2003. Các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

+ Về chia tài sản khi ly hôn: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Tr và bị đơn ông Phạm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 03/8/2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bị đơn ông Phạm Văn L, ông L cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà Tr và các con nên không đồng ý ly hôn. Bà Tr và ông L đều xác nhận đời sống chung của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng và chia sẻ dẫn tới thường xuyên kình cãi, ẩu đả, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Tr vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm với bà Tr.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông L thực sự có mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, bà Tr yêu cầu ly hôn ông L là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Tr và ông L có 02 con chung là cháu Phạm Xuân L, sinh ngày 31/5/2001 và Phạm Đình Ng, sinh ngày 18/8/2003. Bà Tr và ông L đều xác nhận các con đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn ông Phạm Văn L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009286 ngày 15/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Công Thảnh